



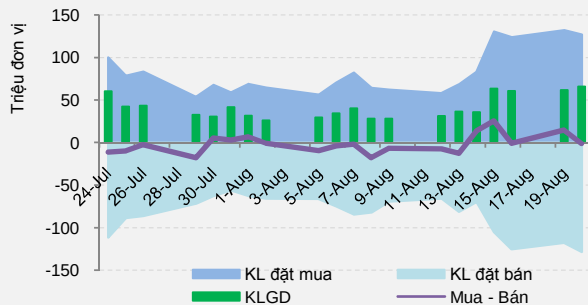
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 20/8/2013

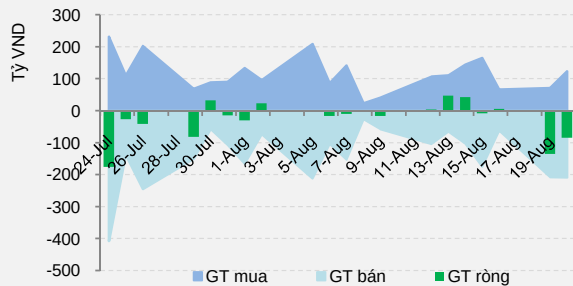
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	504.8	62.7
% Thay đổi	↓ -1.2%	↓ -0.4%
KLGD (CP)	65,900,790	21,795,417
GTGD (tỷ đồng)	1,549.38	181.78
Tổng cung (CP)	128,232,470	50,293,100
Tổng cầu (CP)	126,824,580	40,151,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,813,210	610,000
KL mua (CP)	3,782,530	390,600
GTmua (tỷ đồng)	123.59	11.00
GT bán (tỷ đồng)	208.12	8.20
GT ròng (tỷ đồng)	(84.52)	2.80

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.87%	7.5	1.6	2.8%
Công nghiệp	↓ -0.54%	61.9	1.1	12.2%
Dầu khí	↓ -1.15%	7.0	1.4	2.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.10%	13.1	1.9	1.2%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.06%	8.8	3.0	0.9%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.02%	15.0	5.1	40.3%
Ngân hàng	↓ -0.58%	6.8	1.3	3.2%
Nguyên vật liệu	↓ -0.53%	9.0	2.0	10.0%
Tài chính	↓ -0.88%	17.4	2.4	18.6%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -1.73%	10.0	3.6	8.8%
VN - Index	↓ -1.22%	13.1	3.1	89.8%
HNX - Index	↓ -0.44%	29.1	1.5	10.2%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	566,660	0.9%	500,780	0.8%
GTGD (tỷ VND)	17,080	1.1%	8,119	0.5%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index ghi nhận thêm giảm điểm khá mạnh trước áp lực cung tại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn đến từ khối ngoại. Với phiên giảm điểm này, VN-Index đã giảm xuống dưới mốc 508 điểm - sau 3 phiên nỗ lực tăng qua ngưỡng cản này. Thị trường dự báo tiếp tục điều chỉnh trong phiên giao dịch tới, với mốc hỗ trợ là khoảng 500 điểm. Tuy nhiên thực tế dòng tiền vào thị trường vẫn duy trì chưa cho tín hiệu tiêu cực về xu hướng. Chỉ số VN-Index vẫn đang trong xu thế tăng điểm, với mục tiêu gần nhất là 520-530 điểm.

Chỉ số HNX-Index điều chỉnh nhẹ sau khi chạm đường MA50 và đường bên trên của dải Bollinger Bands. Tuy nhiên mức độ điều chỉnh không lớn với thanh khoản giảm chưa cho tín hiệu thay đổi xu hướng. Xu thế đi ngang của chỉ số HNX-Index có thể đã kết thúc và chuyển sang xu thế tăng điểm ngắn hạn khi dòng tiền tham gia thị trường cải thiện. Tuy nhiên cần thêm một vài phiên củng cố để thể hiện xu thế tăng của chỉ số này một cách chắc chắn.

Chúng tôi duy trì quan điểm nhà đầu tư có thể xem xét mở rộng danh mục, ưu tiên các cổ phiếu cơ bản được thị trường quan tâm. Đối với sàn HNX, nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng thấp, chờ đợi tín hiệu rõ ràng hơn về mặt KLGD trong những phiên tới.

- VN-Index giảm điểm dần về cuối phiên trước tác động của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Kết thúc phiên, VN-Index giảm 6.21 điểm (-1.22%), xuống 504.81 điểm.

- HNX-Index giảm 0.28 điểm (0.44%), xuống 62.65 điểm. Chỉ số Index có phục hồi nhẹ về cuối phiên, mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 62.33 điểm.

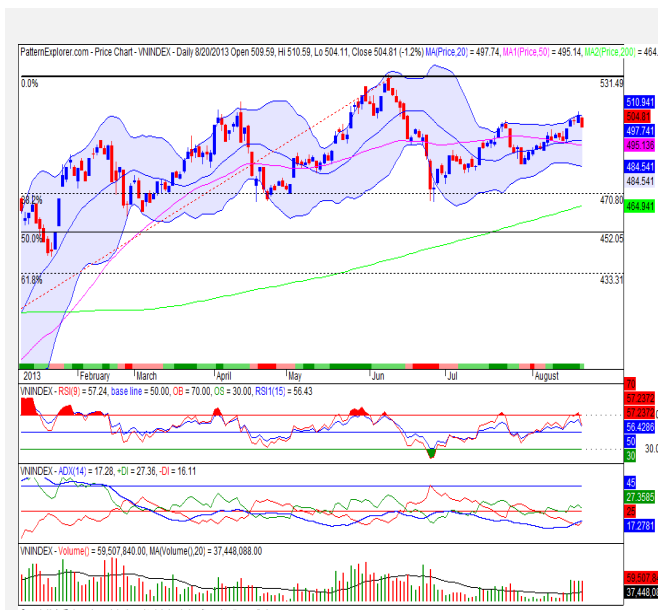
- NHNN vừa ban hành dự thảo thông tư hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ bảo quản vàng miếng của TCTD. Theo đó, TCTD được thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ bảo quản vàng miếng khi được cấp phép hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản. TCTD được thỏa thuận với khách hàng về hình thức trả lại vàng miếng đã nhận bảo quản theo một trong hai hình thức 1/ Trả lại chính số vàng miếng khách hàng đã gửi bảo quản; 2/ Trả lại vàng miếng cùng loại, cùng nhãn hiệu, cùng chất lượng, khối lượng với vàng miếng khách hàng đã gửi bảo quản. Như vậy, trong trường hợp trả lại vàng miếng cùng loại với vàng miếng đã gửi của khách hàng, TCTD vẫn có thể sử dụng lượng vàng này như một hình thức vốn huy động, dù không được thực hiện cho vay vốn bằng vàng.

- TTCK toàn cầu theo chiều hướng giảm mạnh khi nhà đầu tư quan ngại khả năng FED sẽ thay đổi chính sách nới lỏng định lượng trong cuộc họp diễn ra vào ngày 17-18 tháng 9 tới. Chương trình thu mua trái phiếu hàng tháng trị giá 85 tỷ USD của FED đã đóng vai trò quan trọng hỗ trợ đà phục hồi của nền kinh tế lớn nhất Thế giới, cũng như thúc đẩy dòng tiền đầu tư sang các Quốc gia mới nổi. Quan ngại FED thay đổi chính sách khiến dòng tiền có xu hướng rút ra khỏi các quốc gia mới nổi. NĐTNN cũng có động thái bán ròng khá mạnh trên TTCK Việt Nam 2 phiên gần đây.

- Hãng tin Bloomberg vừa đăng bài phỏng vấn UBCKNN Việt Nam về kế hoạch tăng tỷ lệ sở hữu tối đa của NĐTNN trong các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK. Theo UBCKNN, kế hoạch tăng tỷ lệ sở hữu của NĐTNN tại DNYY đã được Bộ Tài chính trình lên Thủ tướng. Kế hoạch trên sẽ cho phép NĐTNN tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết trong các ngành phi điều kiện lên tối đa 60% từ ngưỡng trần 49% hiện tại. Đối với những lĩnh vực có sự hạn chế, NĐTNN sẽ được mua thêm 10% cổ phiếu không có quyền biểu quyết, ngoài mức giới hạn 49% đối với cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tuy nhiên, thông tin về việc những công ty nào thuộc diện bị hạn chế chưa được tiết lộ.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Giảm	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Đi ngang	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm dần về cuối phiên trước tác động của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Kết thúc phiên, VN-Index giảm 6.21 điểm (-1.22%), xuống 504.81 điểm.

- KLGD tiếp tục duy trì ở mức gần 60 triệu cổ phiếu, dòng tiền đang tham thị trường vẫn khá mạnh.

- Chỉ số RSI 14 giảm nhẹ nhưng vẫn ở mức trên 50, vẫn cho tín hiệu tích cực về động lực thị trường.

Nhận định: Với phiên giảm điểm khá mạnh hôm nay, chỉ số VN-Index đã giảm xuống dưới mốc 508 điểm - sau 3 phiên nỗ lực tăng qua ngưỡng cản này. Tuy nhiên mức giảm điểm do một số cổ phiếu vốn hóa lớn, dòng tiền vào thị trường vẫn duy trì chưa cho tín hiệu tiêu cực. Chỉ số VN-Index tiếp tục xu thế tăng điểm và hướng tới mục tiêu gần nhất là 520 điểm. Nhà đầu tư có thể xem xét mở rộng danh mục của mình, ưu tiên các cổ phiếu cơ bản được thị trường quan tâm nhiều.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm 0.28 điểm (0.44%), xuống 62.65 điểm. Chỉ số Index có phục hồi nhẹ về cuối phiên, mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 62.33 điểm.

- KLGD giảm khá mạnh so với phiên tích cực trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 21 ngày.

- Chỉ số RSI 14 giảm nhẹ nhưng vẫn ở mức trên 50, vẫn cho tín hiệu tích cực về động lực thị trường.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index điều chỉnh nhẹ sau khi chạm đường MA50 và đường bên trên của dải Bollinger Bands. Tuy nhiên mức độ điều chỉnh không lớn với thanh khoản giảm chưa cho tín hiệu thay đổi xu hướng. Xu thế đi ngang của chỉ số HNX-Index có thể đã kết thúc và chuyển sang xu thế tăng điểm ngắn hạn khi dòng tiền tham gia thị trường cải thiện. Chúng tôi cho rằng cần thêm một vài phiên củng cố để thể hiện xu thế tăng của chỉ số này một cách chắc chắn. Nhà đầu tư có thể xem xét tham gia thị trường ở một tỷ trọng hạn chế và chờ đợi những tín hiệu rõ ràng hơn đặc biệt là về mặt khối lượng giao dịch trong những phiên tới.



LỘC CỔ PHIẾU

Dòng tiền tiếp tục quan tâm tới nhóm cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt, có KQKD Q2 khả quan tại sàn HOSE. Dòng tiền tham gia sàn HNX rất hạn chế.

Chúng tôi duy trì nhận định nhóm cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt vẫn là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013. Chúng tôi thống kê Top 10 mã cổ phiếu có KLGD bình quân > 50,000 cổ phiếu/phần trong 1 tháng gần nhất, theo một số chỉ tiêu tài chính sau:

TOP CỔ PHIẾU CÓ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q2.2013 SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	VDS	5.82	5190.9%	5.95	80.3%	31.7%	6,885	(737)	-4.34	0.46	-27.45	17.74
2	KMR	10.03	1123.2%	5.26	387.0%	42.6%	12,998	110	24.65	0.21	3.05	23.13
3	PPC	682.68	987.6%	1626.69	732.1%	485.0%	15,679	5,411	4.21	1.45	40.39	14.37
4	NKG	17.49	801.5%	42.76	1266.1%	114.0%	10,736	(1,991)	-4.82	0.89	-1.81	5.85
5	NDN	8.22	466.9%	8.89	217.5%	71.5%	11,343	988	6.99	0.61	9.35	17.79
6	HNM	3.07	413.3%	1.24	162.9%	40.0%	10,629	356	23.06	0.77	-3.29	20.43
7	KLS	31.77	375.5%	82.75	65.6%	#DIV/0!	12,626	244	35.22	0.68	33.37	46.4
8	PGS	73.46	344.7%	124.65	170.4%	68.9%	22,330	5,218	4.08	0.95	4.81	18.72
9	HAR	7.18	230.9%	9.55	199.4%	16.4%	10,738	448	24.53	1.02	27.04	40.41
10	TCM	39.4	174.6%	62.03	21289.7%	68.7%	14,204	758	18.46	0.99	1.54	10.87

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG ĐẦU NĂM TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	TCM	39.40	174.6%	62.03	21289.7%	68.7%	14,204	758	18.5	0.99	1.54	10.87
2	FCM	13.15	#DIV/0!	24.91	1507.34%	25.9%	10,947	861	12.0	0.94	8.92	30.40
3	NKG	17.49	801.5%	42.76	1266.13%	114.0%	10,736	(1,991)	-4.8	0.89	(1.81)	5.85
4	PPC	682.68	987.6%	1626.69	732.11%	485.0%	15,679	5,411	4.2	1.45	40.39	14.37
5	KMR	10.03	1123.2%	5.26	387.04%	42.6%	12,998	110	24.7	0.21	3.05	23.13
6	VGS	6.73	101.5%	12.46	340.28%	92.3%	12,755	326	14.4	0.37	0.71	3.42
7	NDN	8.22	466.9%	8.89	217.50%	71.5%	11,343	988	7.0	0.61	9.35	17.79
8	KSS	4.02	136.1%	9.89	200.71%	#DIV/0!	15,571	704	8.4	0.38	4.65	23.48
9	HAR	7.18	230.9%	9.55	199.37%	16.4%	10,738	448	24.5	1.02	27.04	40.41
10	PGC	31.15	73.8%	51.6	181.05%	79.9%	12,521	1,267	7.7	0.77	3.32	14.32

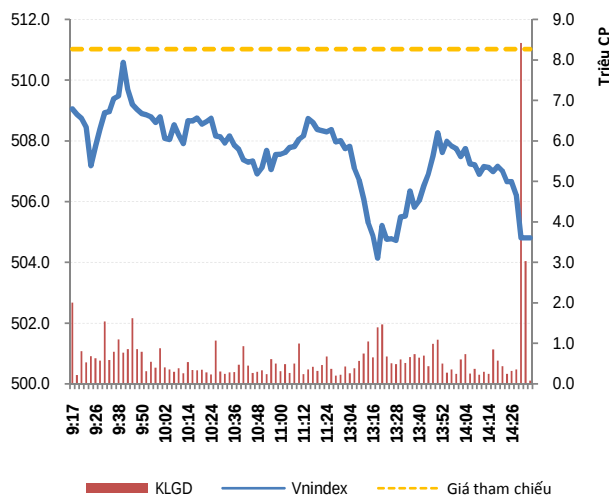
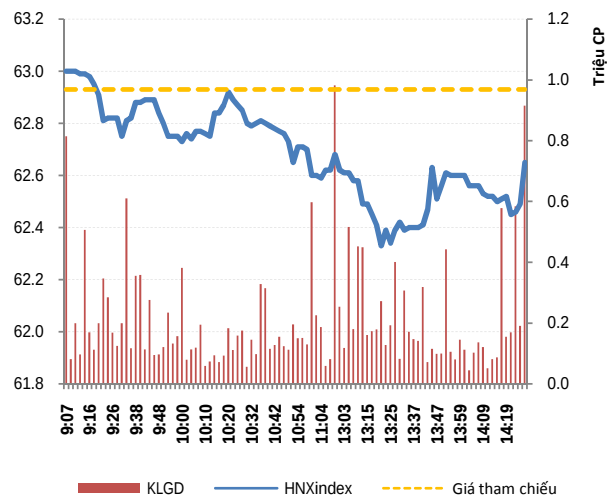
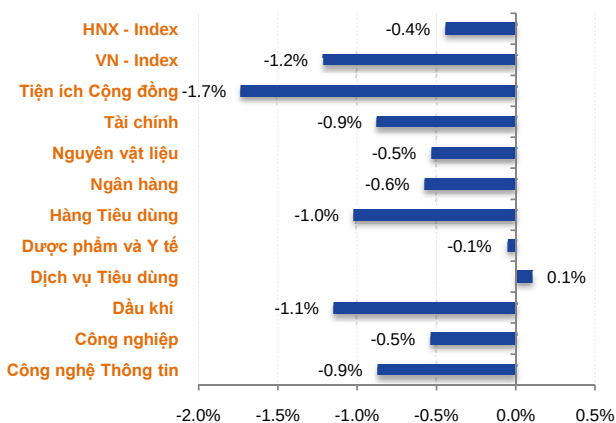
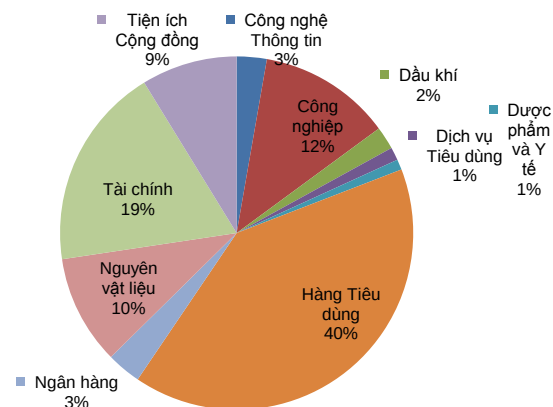
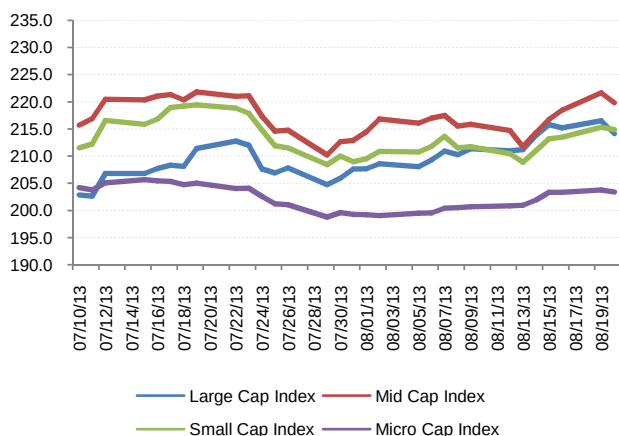
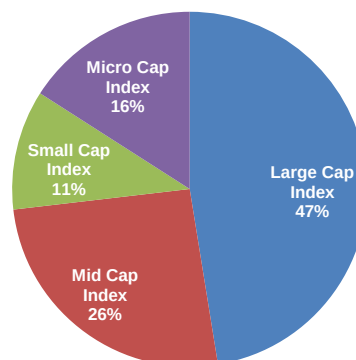
TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	PPC	682.68	987.6%	1626.69	732.11%	485.0%	15,679	5,411	4.2	1.45	40.39	14.37
2	PSI	0.61	-84.9%	3.87	-8.3%	192.5%	9,920	(26)	-234.6	0.61	0.38	31.67
3	BTP	38.27	-44.2%	85.39	51.75%	158.7%	15,892	2,327	5.9	0.86	12.00	11.14
4	VND	76.68	158.5%	103.96	73.06%	137.2%	12,005	1,160	7.4	0.72	52.47	82.12
5	PGD	109.27	-61.6%	170.62	-55.47%	131.8%	24,424	(1,605)	-18.3	1.20	(0.27)	3.01
6	NKG	17.49	801.5%	42.76	1266.13%	114.0%	10,736	(1,991)	-4.8	0.89	(1.81)	5.85
7	BVS	21.73	-60.6%	56.34	-14.06%	96.9%	16,363	948	10.8	0.62	35.19	61.25
8	LAS	157.09	20.0%	305.78	17.57%	93.7%	15,827	5,137	7.1	2.29	10.97	21.84
9	VGS	6.73	101.5%	12.46	340.28%	92.3%	12,755	326	14.4	0.37	0.71	3.42
10	CSM	119.88	70.3%	188.51	72.30%	91.4%	19,037	4,668	7.8	1.90	13.12	25.66

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 19/08/2013.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa


Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HAG	952,720	IJC	489,070
2	PET	80,340	VCB	256,560
3	KBC	60,390	STB	214,980
4	PVT	50,400	GAS	214,200
5	HAP	36,720	VNM	182,900

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	182,600	CVN	395,000
2	PGS	30,000	SGD	43,400
3	SHB	15,000	PVV	17,000
4	EFI	10,400	KLS	11,000
5	OCH	10,000	DBC	8,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
MSN	87.0	86.0	↓ -1.15%	5,326,950
ITA	6.2	6.2	→ 0.00%	4,164,000
HAG	21.6	21.8	↑ 0.93%	3,654,240
PVT	6.7	6.8	↑ 1.49%	2,683,330
FLC	5.5	5.4	↓ -1.82%	1,980,410

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	6.6	6.5	↓ -1.11%	3,373,358
KLS	8.8	8.7	↓ -1.30%	2,573,715
SCR	6.7	6.6	↓ -1.13%	1,784,586
PVX	4.3	4.2	↓ -1.23%	1,406,927
VGS	4.8	4.9	↑ 2.29%	1,351,500

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	0.9	1.0	0.1	↑ 11.11%
FDC	17.2	18.4	1.2	↑ 6.98%
HAR	11.5	12.3	0.8	↑ 6.96%
HHS	21.8	23.3	1.5	↑ 6.88%
KSS	6.0	6.4	0.4	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDC	8.0	9.0	1.0	↑ 12.50%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
FDT	28.3	31.1	2.8	↑ 9.89%
HHG	3.1	3.4	0.3	↑ 9.68%
C92	8.4	9.2	0.8	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVI	36.3	33.8	-2.5	↓ -6.89%
ELC	20.9	19.5	-1.4	↓ -6.70%
TMS	25.5	23.8	-1.7	↓ -6.67%
C47	18.6	17.4	-1.2	↓ -6.45%
POM	12.8	12.0	-0.8	↓ -6.25%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SHN	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.25%
S12	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
TMC	11.0	9.9	-1.1	↓ -10.00%
TAG	46.8	42.2	-4.6	↓ -9.83%
TTZ	10.2	9.2	-1.0	↓ -9.80%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	5,326,950	4.8%	1,047	82.2	4.0
ITA	4,164,000	0.3%	42	148.9	0.5
HAG	3,654,240	5.0%	934	23.3	1.2
PVT	2,683,330	5.9%	667	10.2	0.6
FLC	1,980,410	4.3%	661	8.2	0.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	3,373,358	-2.9%	(332)	-	0.6
KLS	2,573,715	1.9%	244	34.8	0.7
SCR	1,784,586	-3.0%	(450)	-	0.5
PVX	1,406,927	-36.4%	(2,642)	-	0.7
VGS	1,351,500	2.4%	326	15.4	0.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 11.1%	-1063.6%	(14,471)	-	(0.2)
FDC	↑ 7.0%	7.8%	1,473	12.5	0.9
HAR	↑ 7.0%	4.4%	448	27.4	1.1
HHS	↑ 6.9%	19.7%	2,219	10.5	2.0
KSS	↑ 6.7%	5.0%	760	8.4	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDC	↑ 12.5%	7.0%	1,336	6.0	0.4
VE4	↑ 10.0%	12.1%	1,741	4.6	0.6
FDT	↑ 9.9%	9.2%	1,501	20.7	1.9
HHG	↑ 9.7%	-4.5%	(447)	-	0.4
C92	↑ 9.5%	14.3%	1,701	5.4	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	952,720	5.0%	934	23.3	1.2
PET	80,340	15.1%	2,689	8.4	1.2
KBC	60,390	-10.0%	(1,381)	-	0.6
PVT	50,400	5.9%	667	10.2	0.6
HAP	36,720	5.1%	994	6.2	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	182,600	15.6%	2,599	6.2	1.0
PGS	30,000	24.4%	5,218	4.2	1.0
SHB	15,000	-2.9%	(332)	-	0.6
EFI	10,400	5.9%	845	7.1	0.5
OCH	10,000	6.7%	697	35.9	2.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	132,650	41.6%	6,429	10.9	4.1
VNM	121,690	40.5%	7,699	19.0	7.1
CTG	63,037	19.3%	2,662	7.2	1.3
VCB	61,875	9.9%	1,785	15.0	1.5
MSN	60,642	4.8%	1,047	82.2	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	0.3%	40	391.5	1.2
SQC	8,602	5.8%	720	108.7	6.3
PVS	7,237	15.6%	2,599	6.2	1.0
SHB	5,848	-2.9%	(332)	-	0.6
OCH	5,000	6.7%	697	35.9	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	2.19	-10.0%	(1,381)	-	0.6
PPC	2.19	38.4%	5,411	4.3	1.5
TS4	2.13	8.6%	1,546	5.5	0.4
VOS	2.10	-9.8%	(930)	-	0.3
STT	1.95	-17.7%	(1,717)	-	0.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HHL	3.00	-174.4%	(3,688)	-	0.8
PVA	2.95	-101.1%	(6,390)	-	0.8
PVV	2.89	-26.0%	(2,407)	-	0.3
PVL	2.79	-4.9%	(526)	-	0.3
VCG	2.73	1.6%	187	60.5	0.9



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)